



UBND XÃ HÀ BẮC
HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC
Số: /PABT, HT
(DỰ THẢO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Bắc, ngày 01 tháng 4 năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

KHI THU HỒI ĐẤT ĐỂ GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ MỚI XÃ TÂN VIỆT,
HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG (NAY LÀ XÃ HÀ BẮC, TP HẢI PHÒNG)

Họ và tên chủ hộ: Ông Nguyễn Hữu Hoà và bà Vũ Thị Hoán

Nơi thường trú: xã Hà Bắc, thành phố Hải Phòng

Nơi ở hiện nay: xã Hà Bắc, thành phố Hải Phòng

Số CCCD (hoặc CMTND): - Cấp ngày:

Số điện thoại:

Căn cứ biên bản kiểm kê số 02 /BB-KK do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Thanh Hà lập ngày 02 / 4 /2025

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã lập phương án bồi thường, hỗ trợ cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Đất đai: - Thửa đất số 46 tờ bản đồ số 11, diện tích hiện trạng 205m ² ; diện tích thực hiện dự án 205m ² ; - Thửa đất số 2026 tờ bản đồ số 7, diện tích hiện trạng 84m ² diện tích thực hiện dự án 76m ² ; diện tích không đủ điều kiện canh tác 8m ²					189,213,750	
1	Bồi thường		289.0			28,900,000	
	Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 11		205.0			20,500,000	
1.1	Đất trồng cây hàng năm của hộ gia đình, cá nhân; Khu vực 3 trên địa bàn xã Hà Bắc	m ²	205.0	100,000	1	20,500,000	
	Thửa đất số 2026, tờ bản đồ số 11		84.0			8,400,000	
1.3	Đất trồng cây hàng năm của hộ gia đình, cá nhân; Khu vực 3 trên địa bàn xã Hà Bắc	m ²	76.0	100,000	1	7,600,000	
1.4	Diện tích đất chuyên trồng lúa (LUC) của hộ gia đình, cá nhân; vị trí 1, thửa đất số 2026, tờ bản đồ 7 không đủ điều kiện canh tác	m ²	8.0	100,000	1	800,000	
2	Hỗ trợ					160,313,750	
2.1	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khu Nhà nước thu hồi đất tại khoản 1, Điều 12, Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND TP Hải Phòng	m ²	289.0	100,000	0.3	8,670,000	
2.2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (tại khoản 1, Điều 14, Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND TP Hải Phòng)	m ²	289.0	100,000	5	144,500,000	

2.3	Hỗ trợ ổn định đời sống: - Diện tích đất bị thu hồi dưới 30% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/3 tháng; nếu phải di chuyển chỗ ở thời gian hỗ trợ 6 tháng - Diện tích đất bị thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ 30 kg gạo/số nhân khẩu/6 tháng, nếu phải di chuyển chỗ ở thời gian hỗ trợ 12 tháng; trên 70% hỗ trợ 12 tháng, nếu phải di chuyển chỗ ở thời gian hỗ trợ 24 tháng. (tại khoản 1, Điều 11, Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND TP Hải Phòng)	Số khẩu	Số tháng	Đơn giá gạo trung bình tháng 2/2026 (đồng/kg)	Số kg gạo	Thành tiền (đồng)	Tỷ lệ % DT đất thu hồi/Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng
		5	3	15,875	30	7,143,750	3.0%
II	Cây cối, hoa màu					330,000	
	<i>Tổng cộng</i>					330,000	
	<i>Trên thửa 46</i>						
1	Cây ổi ĐK thân > 20 cm	cây	26	871.000		0	
2	Sà	m2	30	11,000	1	330,000	
	<i>Trên thửa 2026</i>						
1	Cây ổi đường kính thân 15 cm < ĐK thân ≤ 20 cm	cây	4	622.000		0	
2	Cây ổi đường kính thân 5 cm < ĐK thân ≤ 10 cm	cây	6	311.000		0	
	Tổng cộng = I+II					189,543,750	
	Làm tròn					189,544,000	
<i>Một trăm tám mươi chín triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng</i>							

CHỦ HỘ

Nguyễn Hữu Hoà